

ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA

KHOA KHOA HỌC ỨNG DỤNG

BỘ MÔN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ



BÀI TẬP THẢO LUẬN NHÓM

MÔN HỌC: TỰ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

MSMH: SP1037

HỌC KỲ 251 – NĂM HỌC 2025 – 2026

LỚP L04 – NHÓM 43

GVHD: TS. PHAN DUY ANH

Thành phố Hồ Chí Minh, Tháng 09/2025

ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA
KHOA KHOA HỌC ỨNG DỤNG
BỘ MÔN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ



CÂU HỎI:

**PHÂN TÍCH NHỮNG ĐỘNG LỰC CHỦ YẾU TRONG QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG
CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH. LÀM THẾ NÀO
ĐỂ PHÁT HUY NHỮNG ĐỘNG LỰC NÀY TRONG THỰC TIỄN?**

Các thành viên thực hiện đề tài:

STT	Họ và tên	MSSV	Ghi chú
1	Phùng Quang Viễn	2213936	
2	Nguyễn Quốc Việt	2213947	
3	Lê Thành Vinh	2151277	
4	Phạm Công Võ	2313946	
5	Hà Hoàng Vũ	2213990	
6	La Thế Vũ	2213993	
7	Đào Khánh Vy	2214022	Nhóm trưởng
8	Huỳnh Duy Khang	2211428	

TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA – ĐHQG.HCM
KHOA KHOA HỌC ỨNG DỤNG
BỘ MÔN LÝ LUÂN CHÍNH TRI

BÁO CÁO KẾT QUẢ BÀI TẬP THẢO LUẬN NHÓM Ở NHÀ
MÔN HỌC: TƯ TUỞNG HỒ CHÍ MINH

- **Giảng viên:** TS. Phan Duy Anh
- **Lớp:** L04
- **Nhóm:** 43

Câu hỏi số 2: Phân tích những động lực chủ yếu trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam theo tư tưởng Hồ Chí Minh. Làm thế nào để phát huy những động lực này trong thực tiễn?

Đánh giá điểm các thành viên:

STT	MSSV	Họ và tên	Nhiệm vụ	Đánh giá %	Điểm	Ký nhận
1	2213936	Phùng Quang Viễn	Phần 1.1.	100%		
2	2213947	Nguyễn Quốc Việt	Phần 3.2.	100%		
3	2151277	Lê Thành Vinh	Phần 1.2.	100%		
4	2313946	Phạm Công Võ	Phần 2.1.	100%		
5	2213990	Hà Hoàng Vũ	Tổng hợp	100%		
6	2213993	La Thế Vũ	Phần 3.1.	100%		
7	2214022	Đào Khánh Vy	Phần 3.2.	100%		
8	2211428	Huỳnh Duy Khang	Phần 2.2.	100%		

MỤC LỤC

1. Mục tiêu chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam	1
1.1. Chính trị, kinh tế.	1
1.2. Văn hóa, xã hội.....	2
2. Động lực của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam	4
2.1. Động lực bên trong: Lợi ích, dân chủ, đoàn kết	4
2.2. Động lực bên ngoài: Hoạt động Đảng, con người Việt Nam.....	6
3. Phát huy động lực trong thực tiễn	7
3.1. Thực tiễn: Thời kỳ sau chiến tranh, thời kỳ quá độ	7
3.2. Xây dựng chủ nghĩa xã hội trong thời kỳ quá độ	9
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	12

1. Mục tiêu chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

1.1. Chính trị, kinh tế.

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, việc xác định mục tiêu của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, bởi nó là định hướng cơ bản cho con đường phát triển của dân tộc. Hồ Chí Minh luôn nhấn mạnh rằng chủ nghĩa xã hội không phải là một khái niệm trừu tượng, xa rời, mà là một chế độ xã hội gắn liền với hạnh phúc và lợi ích thiết thực của nhân dân. Trong đó, hai mục tiêu then chốt nhất được Người xác định là về chính trị và kinh tế, đây là hai trụ cột có quan hệ mật thiết, bổ sung và tác động lẫn nhau, quyết định sự thành công của công cuộc xây dựng đất nước.

Mục tiêu về chế độ chính trị

Hồ Chí Minh khẳng định rằng đặc trưng quan trọng nhất của xã hội xã hội chủ nghĩa chính là nhân dân làm chủ. Người nhiều lần nhấn mạnh: “Bao nhiêu lợi ích đều vì dân, bao nhiêu quyền hạn đều của dân”.¹ Điều đó có nghĩa, trong xã hội mới, nhân dân không chỉ là lực lượng sáng tạo ra của cải vật chất và tinh thần, mà còn là chủ thể quyết định mọi vấn đề của đất nước. Nhà nước xã hội chủ nghĩa là nhà nước “của dân, do dân và vì dân”, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, bảo đảm quyền lực thật sự thuộc về nhân dân.

Khác với chế độ phong kiến và thực dân trước kia, nơi quyền lực tập trung trong tay một thiểu số giai cấp thống trị, xã hội xã hội chủ nghĩa theo tư tưởng Hồ Chí Minh đặt nhân dân ở vị trí trung tâm. Dân chủ ở đây không phải chỉ dừng ở hình thức bầu cử, ứng cử, mà phải được thể hiện trong đời sống hằng ngày: từ quyền tham gia bàn bạc, giám sát, quyết định các công việc chung đến quyền được hưởng lợi ích từ sự phát triển của xã hội. Nói cách khác, mục tiêu chính trị không chỉ là tạo ra một bộ máy nhà nước mới, mà còn phải xây dựng được cơ chế để nhân dân thực sự phát huy quyền làm chủ. Có thể lấy ví dụ ở Việt Nam hiện nay, việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, hay các hình thức “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra” chính là sự cụ thể hóa tư tưởng Hồ Chí Minh về mục tiêu chính trị của chủ nghĩa xã hội.

Mục tiêu về kinh tế

Bên cạnh chính trị, Hồ Chí Minh đặc biệt coi trọng mục tiêu về kinh tế. Người khẳng định: chủ nghĩa xã hội phải có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu về tư liệu sản xuất chủ yếu². Theo Người, kinh tế xã hội chủ nghĩa chỉ có thể vượt trội so với các chế độ trước nếu lực lượng sản xuất được giải phóng, máy móc hiện đại được ứng dụng rộng rãi, năng suất lao động không ngừng nâng cao. Cùng với đó, quan hệ sản xuất phải dựa trên nền tảng công hữu, tức là những tư liệu sản xuất quan trọng như nhà máy, hầm mỏ, ngân hàng, điện lực... không còn nằm trong tay tư nhân, mà thuộc sở hữu toàn dân, để bảo đảm mọi người đều có quyền tiếp cận và hưởng lợi.

¹ Hồ Chí Minh Toàn tập, Tập 11, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011.

² Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh, Bộ Giáo dục và Đào tạo, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, tr. 97–98.

Tuy nhiên, Hồ Chí Minh cũng không tuyệt đối hóa một mô hình kinh tế cứng nhắc. Người luôn nhấn mạnh tính quá độ, tính lâu dài của quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội. Ở giai đoạn đầu, Việt Nam còn nghèo nàn, lạc hậu, nên phải kết hợp nhiều thành phần kinh tế, phải khuyến khích sản xuất, tích lũy vốn, phát triển công – nông nghiệp song song. Điều này cho thấy mục tiêu kinh tế của chủ nghĩa xã hội trong tư tưởng Hồ Chí Minh không chỉ là lý tưởng xa vời, mà rất thiết thực, và phù hợp với điều kiện cụ thể của nước ta.

Điều đáng chú ý, mục tiêu kinh tế mà Hồ Chí Minh nhấn mạnh luôn gắn liền với hạnh phúc của nhân dân. Người từng nói: “Mục đích của chủ nghĩa xã hội là không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân”.³ Nghĩa là, sự phát triển của kinh tế không phải để tạo ra của cải cho một thiểu số giàu có, mà phải nhằm xóa bỏ nghèo nàn, lạc hậu, đem lại cơm no, áo ấm, nhà ở, học hành và chăm sóc sức khỏe cho toàn dân. Ngày nay, có thể thấy rõ dấu ấn của tư tưởng này trong chính sách phát triển của Việt Nam: từ chương trình giảm nghèo bền vững, xây dựng nông thôn mới, cho đến việc phát triển kinh tế số, công nghiệp hóa – hiện đại hóa, tất cả đều hướng tới mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.

Như vậy, có thể khẳng định rằng trong tư tưởng Hồ Chí Minh, mục tiêu chính trị và mục tiêu kinh tế của chủ nghĩa xã hội luôn gắn bó chặt chẽ với nhau. Chính trị dân chủ bảo đảm cho nhân dân có quyền tham gia, giám sát và quyết định; trong khi kinh tế phát triển lại tạo điều kiện vật chất để quyền dân chủ đó trở thành hiện thực. Nếu không có nền kinh tế vững mạnh thì dân chủ khó có thể đi vào đời sống; ngược lại, nếu không có dân chủ thì kinh tế khó phát triển công bằng và bền vững. Đây là sự thống nhất hữu cơ, phản ánh rõ quan điểm lấy con người làm trung tâm, tất cả vì hạnh phúc của nhân dân mà Hồ Chí Minh đã kiên định suốt đời.

Tóm lại, mục tiêu chính trị và kinh tế của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam theo tư tưởng Hồ Chí Minh không chỉ là kim chỉ nam cho sự nghiệp cách mạng, mà còn là thước đo để đánh giá sự đúng đắn và thành công của con đường mà dân tộc ta đang đi. Trong bối cảnh hiện nay, khi đất nước đang đẩy mạnh công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập quốc tế, việc quán triệt và vận dụng sáng tạo những mục tiêu này vẫn giữ nguyên giá trị thời sự, là động lực quan trọng để xây dựng một nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

1.2. Văn hóa, xã hội

Mục tiêu về văn hóa

Theo Hồ Chí Minh, văn hóa giữ vị trí đặc biệt quan trọng, vừa là nền tảng tinh thần, vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển của đất nước. Người chỉ rõ: “Xã hội thế nào, văn hóa thế ấy”⁴, và “Muốn tiến lên chủ nghĩa xã hội thì phải phát triển kinh tế và văn hóa”⁵.

Tương lai của văn hóa Việt Nam cần được xây dựng trên tinh thần “dân tộc – khoa học – đại chúng”. Điều đó có nghĩa là văn hóa phải gắn bó chặt chẽ với cội nguồn dân tộc, phản ánh

³ Hồ Chí Minh Toàn tập, Tập 12, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011.

⁴ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.9, tr.231

⁵ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.12, tr.470, 471

được truyền thống lịch sử và bản sắc Việt Nam. Đồng thời, phải hiện đại, tiên tiến, dựa trên tri thức khoa học và nhân văn để đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong thời kỳ hội nhập. Văn hóa không thể chỉ giới hạn trong phạm vi bảo tồn di sản, mà phải trở thành sức mạnh tinh thần lớn, soi đường cho quốc dân đi, đúng như lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Tương lai của Hồ Chí Minh hướng đến là một nền văn hóa vừa giữ gìn bản sắc Việt Nam, vừa hội nhập sâu rộng với thế giới. Đó sẽ là một nền văn hóa giúp hình thành con người Việt Nam mới, có tri thức, có đạo đức, có bản lĩnh và trách nhiệm. Văn hóa sẽ trở thành “sức mạnh mềm” để nâng cao vị thế Việt Nam trên trường quốc tế, đồng thời trở thành động lực trực tiếp cho công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phát triển bền vững. Như Hồ Chí Minh khẳng định: “Trình độ văn hóa của nhân dân nâng cao sẽ giúp chúng ta đầy mạnh công cuộc khôi phục kinh tế, phát triển dân chủ”⁶. Điều đó cho thấy, xây dựng tương lai văn hóa chính là xây dựng nền tảng tinh thần vững chắc để đất nước phát triển toàn diện.

Để hiện thực hóa mục tiêu trên, cần có những thay đổi căn bản trong nhận thức và hành động. Trước hết, phải khắc phục tư tưởng coi nhẹ văn hóa, chỉ tập trung vào kinh tế mà chưa quan tâm đúng mức đến đời sống tinh thần của nhân dân. Hồ Chí Minh từng nhấn mạnh: “Phải triệt để tẩy trừ mọi di tích thuộc địa và ảnh hưởng nô dịch, phát triển những truyền thống tốt đẹp của văn hóa dân tộc và hấp thụ những cái mới của văn hóa tiến bộ thế giới”⁷. Như vậy, thay đổi đầu tiên chính là giải phóng văn hóa dân tộc khỏi những yếu tố lạc hậu, lai căng. Đồng thời, biết chọn lọc và tiếp thu tinh hoa nhân loại để làm giàu thêm cho bản sắc Việt Nam.

Một thay đổi quan trọng khác là xây dựng và hoàn thiện hệ giá trị con người Việt Nam trong thời kỳ mới. Đây phải là những con người có tinh thần yêu nước, ý thức dân tộc, trung thực, sáng tạo, nhân ái và trách nhiệm xã hội. Đồng thời, cần khắc phục sự chênh lệch về hưởng thụ văn hóa giữa thành thị và nông thôn, giữa vùng thuận lợi và vùng khó khăn, để mọi tầng lớp nhân dân đều được tiếp cận và thụ hưởng giá trị văn hóa.

Mục tiêu cuối cùng là đạt được một nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, nơi văn hóa không chỉ là nền tảng tinh thần, mà còn trực tiếp góp phần thúc đẩy chính trị dân chủ hơn, kinh tế phát triển bền vững hơn. Đó là con đường để chúng ta hướng tới một xã hội “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”. Trong đó, văn hóa đóng vai trò vừa định hướng, vừa động lực, vừa là mục tiêu của sự phát triển.

Mục tiêu về quan hệ xã hội

Trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, Hồ Chí Minh luôn khẳng định mục tiêu quan hệ xã hội cơ bản là bảo đảm dân chủ, công bằng, văn minh. Đây không chỉ là phương hướng phát triển mà còn là lý tưởng nhân văn cao đẹp, phản ánh khát vọng giải phóng con người khỏi mọi áp bức, bất công, đồng thời kiến tạo một xã hội mới vì con người và do con người làm chủ.

⁶ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.10, tr.458-459

⁷ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.7, tr.40

Trước hết, tương lai mà chúng ta hướng đến là một xã hội trong đó mọi người dân đều có quyền làm chủ. Nhân dân không chỉ là đối tượng thụ hưởng chính sách mà còn là chủ thể tích cực tham gia quản lý, xây dựng và phát triển đất nước. Như Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: “Trong chế độ xã hội chủ nghĩa, nhân dân là chủ, Nhà nước là công bộc của dân⁸. Do đó, mục tiêu dân chủ trong quan hệ xã hội chính là bảo đảm quyền con người và quyền công dân trên mọi lĩnh vực, từ lao động, học tập, nghỉ ngơi cho đến tự do tín ngưỡng, tự do ngôn luận, bầu cử và ứng cử.

Tiếp theo, cần nhấn mạnh đến khát vọng xây dựng một xã hội công bằng. Công bằng ở đây không chỉ dừng lại ở phân phối vật chất, mà còn thể hiện trong cơ hội phát triển, tiếp cận giáo dục, chăm sóc y tế, việc làm và các phúc lợi xã hội. Nhà nước xã hội chủ nghĩa có trách nhiệm đảm bảo sự bình đẳng của mọi công dân trước pháp luật. Đồng thời, kiên quyết chống lại mọi biểu hiện lợi dụng dân chủ để xâm hại lợi ích chung của quốc gia và cộng đồng. Điều này cho thấy sự kết hợp biện chứng giữa quyền lợi và trách nhiệm của mỗi cá nhân trong khuôn khổ pháp luật và đạo lý xã hội.

Hơn nữa, mục tiêu văn minh thể hiện ở chỗ quan hệ xã hội phải được định hướng bởi giá trị nhân văn, tiến bộ và hiện đại. Văn minh không chỉ là phát triển kinh tế – kỹ thuật, mà còn là sự phát triển văn hóa, đạo đức, ý thức công dân và tinh thần đoàn kết cộng đồng. Một xã hội văn minh là nơi con người có điều kiện hoàn thiện nhân cách, nâng cao trí tuệ, Bên cạnh đó, biết tôn trọng sự đa dạng văn hóa, tín ngưỡng, niềm tin của người khác.

Tóm lại, mục tiêu quan hệ xã hội trong xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam là hướng đến một xã hội dân chủ, công bằng, văn minh, nơi con người được phát triển toàn diện và hài hòa trong tập thể. Điều đó đồng nghĩa với việc phải thay đổi những tàn dư bất công, áp bức, phân biệt và xây dựng hệ thống quan hệ xã hội dựa trên quyền làm chủ của nhân dân, sự bình đẳng pháp lý và tinh thần nhân văn tiến bộ. Đây vừa là mục tiêu lâu dài, vừa là động lực trực tiếp cho sự phát triển của đất nước trong giai đoạn hiện nay và mai sau.

2. **Động lực của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam**

2.1. **Động lực bên trong: Lợi ích, dân chủ, đoàn kết**

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam không chỉ đơn thuần là một nhiệm vụ chính trị mà còn là khát vọng mãnh liệt về một xã hội nơi công bằng, dân chủ và hạnh phúc trở thành giá trị sống của mọi người dân. Để biến khát vọng ấy thành hiện thực, Người luôn nhấn mạnh phải khơi dậy và phát huy đến mức cao nhất những động lực nội sinh của dân tộc. Trong đó, lợi ích chính đáng của nhân dân, quyền làm chủ thực sự của dân và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc được coi là ba trụ cột căn bản. Chúng không tồn tại tách rời mà gắn bó mật thiết, bổ sung và thúc đẩy lẫn nhau, tạo nên nguồn sức mạnh tổng hợp vô cùng to lớn, có khả năng dẫn dắt cách mạng Việt Nam đi đến thắng lợi cuối cùng.

Thứ nhất, lợi ích của nhân dân không phải là một khái niệm trừu tượng mà là cội nguồn, là sợi chỉ đỏ xuyên suốt mọi chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách của Nhà nước. Người

⁸ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.12, tr.377-378

từng khẳng định: “*Việc gì có lợi cho dân thì hết sức làm, việc gì có hại cho dân thì hết sức tránh*”⁹. Lời dạy này không chỉ là nguyên tắc đạo đức mà còn là kim chỉ nam trong việc hoạch định các chính sách, nhằm bảo đảm quyền lợi cơ bản và thiết thực cho nhân dân. Khi những nhu cầu căn bản - từ bữa ăn, mái nhà, chăm sóc y tế, giáo dục đến các quyền tự do tinh thần - được đáp ứng một cách thực chất, nhân dân không còn đơn thuần là đối tượng thụ hưởng mà trở thành lực lượng chủ động, sáng tạo, sẵn sàng tham gia và đóng góp tích cực vào sự phát triển của xã hội. Thành tựu giảm nghèo bền vững tại Việt Nam là minh chứng sống động cho hiệu quả của nguyên tắc này.

“*Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo đã chiều năm 2022 là 1.972.767 hộ, giảm xuống còn 1.258.997 năm 2024 (giảm 3,46% so với năm 2022 - từ 7,52% năm 2022 xuống còn 4,06% năm 2024)*”¹⁰. Kết quả này không chỉ phản ánh chính sách đặt quyền lợi nhân dân làm trung tâm đạt hiệu quả mà còn thắp lên niềm tin và khát vọng làm chủ của nhân dân, tạo dựng tinh thần đoàn kết, đồng lòng hướng tới một xã hội công bằng, dân chủ và hạnh phúc - mục tiêu mà Hồ Chí Minh luôn trăn trở và dấn thân xây dựng. Nhìn rộng hơn, tư tưởng Hồ Chí Minh về “*lấy dân làm gốc*” không chỉ là giá trị đạo đức mà còn là nguyên lý thực tiễn: chỉ khi quyền lợi vật chất và tinh thần của nhân dân được bảo đảm, sự phát triển của đất nước mới bền vững và toàn diện, đồng thời tạo ra sự đồng thuận xã hội - nền tảng vững chắc cho mọi tiến trình đổi mới và xây dựng xã hội chủ nghĩa.

Thứ hai, Hồ Chí Minh coi dân chủ là trụ cột thiết yếu của chủ nghĩa xã hội, là phương tiện để nhân dân thực sự làm chủ vận mệnh của mình và của đất nước. Người từng nhấn mạnh: “*Dân chủ là làm sao cho dân được mở miệng ra*”. Theo Hồ Chí Minh, dân chủ không chỉ giới hạn ở quyền bầu cử hay tham gia các cơ quan quyền lực, mà phải thâm sâu vào mọi lĩnh vực đời sống xã hội: từ quản lý kinh tế, phát triển văn hóa, giáo dục, y tế đến giám sát và kiểm tra bộ máy nhà nước. Khi dân chủ được thực hiện một cách thực chất, mỗi người dân trở thành chủ thể tích cực, không chỉ tham gia mà còn sáng tạo, đóng góp ý tưởng, kinh nghiệm và sáng kiến cho sự phát triển chung. Dân chủ, theo đó, vừa là quyền lợi, vừa là động lực. Nó giúp người dân tự tin khẳng định tiếng nói của mình, đồng thời phát huy khả năng sáng tạo, tinh thần trách nhiệm và ý thức làm chủ xã hội. Ngược lại, khi dân chủ bị xem nhẹ, quyền làm chủ của nhân dân bị hạn chế, xã hội dễ rơi vào quan liêu, xa dân, nảy sinh bất bình đẳng và làm suy giảm niềm tin vào bộ máy lãnh đạo. Do vậy, phát huy dân chủ không chỉ là mục tiêu chính trị mà còn là công cụ thiết thực để huy động sức mạnh toàn dân, tạo nên một phong trào tự giác, sáng tạo và trách nhiệm cao. Chỉ khi dân chủ thực sự được bảo đảm, xã hội mới tiến tới công bằng, dân chủ và phát triển bền vững, đúng như Hồ Chí Minh từng trăn trở và mong muốn.

Cuối cùng, đại đoàn kết toàn dân tộc trong tư tưởng Hồ Chí Minh không chỉ là một phương châm, mà là chìa khóa sống còn của cách mạng và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Người từng dạy: “*Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết. Thành công, thành công, đại thành công*”. Câu nói ngắn gọn

⁹ Hồ Chí Minh. (2021). *Toàn tập, tập 4* (tr. 51). Nxb. Chính trị Quốc gia

¹⁰ Diệu Hoa. (2025, 11 tháng 8). *Giảm nghèo bền vững: Chủ trọng phát triển sinh kế và nâng cao chất lượng sống cho người dân*. Thời báo Tài chính Việt Nam.

ấy hàm chứa tư tưởng chiến lược sâu sắc: chỉ khi toàn dân một lòng, mọi giai cấp, dân tộc, tôn giáo cùng hướng về mục tiêu chung, sức mạnh tổng hợp của dân tộc mới có thể vượt qua mọi thử thách, giành thắng lợi trước kẻ thù và bảo vệ tương lai đất nước. Lịch sử dân tộc đã chứng minh chân lý ấy. Nhờ đoàn kết, nhân dân ta làm nên Cách mạng Tháng Tám 1945, đánh bại thực dân, đế quốc, giành độc lập dân tộc. Sau chiến tranh, chính sự đồng lòng của toàn dân đã giúp Việt Nam vượt qua khủng hoảng, tái thiết và phát triển đất nước, từ khôi phục kinh tế đến giáo dục, y tế và văn hóa, biến khó khăn thành cơ hội để tiến lên. Trong thời đại hội nhập và toàn cầu hóa, sức mạnh đoàn kết càng trở nên đa chiều và rộng mở. Nó không chỉ thể hiện qua sự gắn bó của các giai cấp, tầng lớp và dân tộc trong nước, mà còn qua sự kết nối với cộng đồng người Việt ở nước ngoài và quan hệ hữu nghị với bạn bè quốc tế, nhằm tranh thủ nguồn lực trí tuệ, công nghệ, đầu tư và nâng cao vị thế đất nước trên trường quốc tế. Do đó, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc là nhiệm vụ chiến lược sống còn, vừa củng cố sức mạnh nội sinh của dân tộc, vừa mở rộng sức mạnh hợp tác quốc tế. Đây chính là nền tảng để Việt Nam đối phó thách thức toàn cầu, tận dụng cơ hội hội nhập, và tiến bước vững chắc trên con đường phát triển bền vững, như Hồ Chí Minh từng khẳng định: đoàn kết chính là con đường dẫn đến thành công vĩ đại của dân tộc.

Xây dựng xã hội công bằng, dân chủ và phát triển bền vững đòi hỏi phải phát huy đồng thời ba động lực cốt lõi mà Hồ Chí Minh chỉ ra: lợi ích nhân dân, dân chủ thực chất và đại đoàn kết toàn dân tộc. Chính sách phải bảo đảm quyền lợi thiết thực cho mọi tầng lớp, đặc biệt là vùng khó khăn, để nhân dân trở thành lực lượng sáng tạo và chủ động đóng góp. Đồng thời, cần mở rộng dân chủ, lắng nghe và tôn trọng mọi tiếng nói, khơi dậy tinh thần làm chủ và tiềm năng sáng tạo. Cùng với đó, bồi dưỡng lòng yêu nước và cống hiến cho khối đại đoàn kết toàn dân sẽ tạo nên sức mạnh nội sinh to lớn, giúp dân tộc vượt qua thử thách, tận dụng thời cơ và vững bước trên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội mà Hồ Chí Minh và Đảng đã lựa chọn.

2.2. *Động lực bên ngoài: Hoạt động Đảng, con người Việt Nam*

Trong tiến trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, Hồ Chí Minh khẳng định rằng để công cuộc này thành công, ngoài việc phát huy nội lực của dân tộc, thì những động lực bên ngoài đóng vai trò hết sức quan trọng. Đặc biệt, Người nhấn mạnh đến vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam và việc xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa¹¹. Đây là hai nhân tố cơ bản tạo nên sự định hướng, dẫn dắt và đảm bảo cho sức mạnh của nhân dân được phát huy đúng hướng.

Một là, hoạt động lãnh đạo và định hướng của Đảng Cộng sản Việt Nam. Hồ Chí Minh luôn coi Đảng là nhân tố quyết định sự thành công của cách mạng và công cuộc xây dựng xã hội mới. Đảng giữ vai trò “người cầm lái”, có nhiệm vụ đề ra đường lối đúng đắn, hoạch định chiến lược phát triển, tổ chức lực lượng và khơi dậy sức mạnh của toàn dân. Người khẳng định: “Đảng ta là đạo đức, là văn minh. Đảng ta là thống nhất, độc lập, vì dân tộc, vì Tổ quốc, vì con người”¹². Đồng

¹¹ Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh, Bộ Giáo dục và Đào tạo, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, tr. 106–107.

¹² Hồ Chí Minh: Toàn tập, tập 10, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011.

thời, Hồ Chí Minh nhấn mạnh cán bộ, đảng viên phải “cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư” thì mới xứng đáng là lực lượng tiên phong dẫn dắt quần chúng¹³. Chính sự trong sạch, vững mạnh và sáng suốt của Đảng trở thành động lực bên ngoài bảo đảm cho sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội đi đúng hướng.

Hai là, xây dựng con người xã hội chủ nghĩa – kiều người mới của thời đại. Khác với nội lực vốn xuất phát từ truyền thống yêu nước, tinh thần đoàn kết sẵn có, ở đây Hồ Chí Minh nhấn mạnh vai trò tổ chức, giáo dục và rèn luyện con người theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Người cho rằng: “Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội, trước hết cần có những con người xã hội chủ nghĩa”¹⁴. Con người ấy không chỉ có đạo đức cách mạng, tinh thần tập thể, ý thức kỷ luật, mà còn phải được trang bị tri thức khoa học – kỹ thuật để làm chủ sản xuất, quản lý kinh tế và văn hóa xã hội. Đây là hình mẫu do Đảng và hệ thống chính trị bồi dưỡng nhằm hình thành những thế hệ “vừa hồng, vừa chuyên” – vừa có lý tưởng, đạo đức, vừa có năng lực sáng tạo.

Ba là, sự gắn bó hữu cơ giữa Đảng và con người Việt Nam. Theo Hồ Chí Minh, Đảng vừa lãnh đạo vừa phục vụ nhân dân, còn nhân dân là chủ thể sáng tạo trực tiếp của sự nghiệp xã hội chủ nghĩa. Đảng phải luôn gần gũi, dựa vào dân và phát huy trí tuệ, sáng kiến của nhân dân. Người khẳng định: “Để trăm lần không dân cũng chịu, khó vạn lần dân liệu cũng xong”¹⁵. Khi Đảng có đường lối đúng, cán bộ gương mẫu, con người được giáo dục và rèn luyện theo định hướng xã hội chủ nghĩa, thì động lực bên ngoài này sẽ biến thành sức mạnh vật chất và tinh thần to lớn, đảm bảo cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam đạt được thắng lợi.

3. Phát huy động lực trong thực tiễn

3.1. Thực tiễn: Thời kỳ sau chiến tranh, thời kỳ quá độ

Quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam là một công cuộc cách mạng sâu sắc, lâu dài và đầy khó khăn, gian khổ. Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội là giai đoạn chuyển tiếp đặc biệt, trong đó Việt Nam tiến thẳng từ một nước nông nghiệp lạc hậu lên chủ nghĩa xã hội mà không trải qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa¹⁶. Thực tiễn thời kỳ sau chiến tranh và thời kỳ quá độ có những đặc điểm nổi bật, vừa là thách thức, vừa là động lực để phát huy trong công cuộc xây dựng và phát triển đất nước.

Sau chiến tranh, đất nước Việt Nam phải đổi mới với những tổn thất nặng nề về người và của. Cơ sở hạ tầng, nhà máy, xí nghiệp bị phá hủy hoặc xuống cấp nghiêm trọng, sản xuất nông nghiệp và công nghiệp đình trệ, đời sống nhân dân còn nhiều khó khăn, thiếu thốn về vật chất và tinh thần¹⁷. Đây là giai đoạn đất nước phải tập trung khôi phục và phát triển kinh tế trong điều kiện còn nhiều hạn chế. Nền kinh tế Việt Nam thời kỳ này chủ yếu dựa vào nông nghiệp truyền thống

¹³ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, tập 5, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011.

¹⁴ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, tập 11, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011.

¹⁵ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, tập 6, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011.

¹⁶ Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 5, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011.

¹⁷ Nguyễn Văn Linh, *Đổi mới và phát triển kinh tế Việt Nam*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2000, tr. 45.

với năng suất lao động thấp, công nghiệp mới bắt đầu phát triển nhưng còn yếu kém, thiếu vốn và công nghệ hiện đại.

Đặc biệt, theo tư tưởng Hồ Chí Minh, Việt Nam tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội mà không trải qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa, điều này tạo nên sự phức tạp và khó khăn đặc thù trong quá trình cải tạo xã hội cũ và xây dựng xã hội mới. Trong thời kỳ quá độ, các yếu tố của xã hội cũ vẫn tồn tại và có thể mạnh hơn các yếu tố mới, đòi hỏi phải đấu tranh, cải tạo sâu sắc trên nhiều lĩnh vực. Đồng thời, cần xây dựng nền tảng vật chất, kỹ thuật và văn hóa mới, phát triển công nghiệp hiện đại, tẩy trừ ảnh hưởng của văn hóa thuộc địa và phong kiến, củng cố chính trị - xã hội, giữ vững ổn định chính trị và tăng cường đại đoàn kết toàn dân.¹⁸

Để phát huy hiệu quả những động lực chủ yếu trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội, cần tập trung vào các nội dung sau: Phát huy vai trò con người bằng cách tăng cường giáo dục, đào tạo, nâng cao trình độ dân trí và kỹ năng nghề nghiệp, phát huy tinh thần tự lực, tự cường và sáng tạo của nhân dân trong lao động sản xuất và xây dựng xã hội mới. Đại đoàn kết toàn dân tộc cũng là yếu tố then chốt, cần tiếp tục củng cố và mở rộng khối đại đoàn kết dân tộc, phát huy sức mạnh tổng hợp của các dân tộc, tôn giáo, các tầng lớp xã hội trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam phải được đảm bảo sáng suốt, đúng đắn trong việc vận dụng chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh vào điều kiện cụ thể của đất nước, nhất là trong bối cảnh đổi mới và hội nhập quốc tế. Bên cạnh đó, cần kết hợp phát triển kinh tế với văn hóa, xã hội, đẩy mạnh phát triển kinh tế gắn liền với nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần của nhân dân, bảo đảm công bằng xã hội và phát triển bền vững.

Trong bối cảnh hiện nay, để phát huy những động lực trên, cần tiếp tục đổi mới toàn diện, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tạo động lực mới cho phát triển kinh tế - xã hội. Đẩy mạnh công tác giáo dục, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, phát huy sáng tạo của con người trong khoa học, công nghệ và sản xuất. Thực hiện chính sách đại đoàn kết dân tộc, phát huy vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội, tạo sự đồng thuận trong xã hội. Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, đảm bảo sự lãnh đạo toàn diện, sáng suốt trong mọi lĩnh vực. Đồng thời, kết hợp phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường, phát triển văn hóa, xã hội, đảm bảo sự phát triển bền vững và hài hòa.¹⁹

Tóm lại, thực tiễn thời kỳ sau chiến tranh và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam có nhiều đặc điểm phức tạp, khó khăn nhưng cũng chứa đựng những động lực quan trọng để phát huy. Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, phát huy vai trò con người, đại đoàn kết toàn dân tộc, vai trò lãnh đạo của Đảng và sự kết hợp hài hòa giữa phát triển kinh tế và văn hóa xã hội là những yếu tố then chốt. Việc vận dụng sáng tạo và phù hợp những động lực này trong thực tiễn hiện nay sẽ góp phần quan trọng vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

¹⁸ Trần Đình Thiên, Kinh tế Việt Nam trong thời kỳ đổi mới, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2010, tr.112

¹⁹ Bộ Tài nguyên và Môi trường, Chiến lược phát triển bền vững Việt Nam, 2020.

3.2. Xây dựng chủ nghĩa xã hội trong thời kỳ quá độ

Xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam là một sự nghiệp lâu dài, gian khổ nhưng cũng đầy tính sáng tạo. Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, muốn phát huy được những động lực để đi đến mục tiêu này thì cần kiên trì một số nguyên tắc căn bản. Trong đó, quan trọng nhất là kiên định nền tảng tư tưởng Mác – Lê nin và giữ vững độc lập dân tộc. Đây chính là cơ sở vừa định hướng, vừa bảo đảm sức mạnh nội lực để dân tộc ta tiến lên con đường xã hội chủ nghĩa.

Thứ nhất, kiên định nền tảng tư tưởng Mác – Lê nin.

Hồ Chí Minh khẳng định rằng mọi tư tưởng và hành động đều phải dựa trên nền tảng chủ nghĩa Mác – Lê nin. Đây là học thuyết khoa học chỉ ra con đường giải phóng giai cấp, giải phóng dân tộc và xây dựng xã hội công bằng, nhân văn. Kiên định nền tảng Mác – Lê nin có nghĩa là phải nâng cao nhận thức lý luận, tránh xa sự mơ hồ, dao động hay bị lôi kéo bởi những quan điểm sai trái. Đồng thời, sự kiên định ấy không phải là rập khuôn, máy móc mà đòi hỏi phải biết cụ thể hóa, vận dụng sáng tạo cho phù hợp với hoàn cảnh Việt Nam.

Với một sinh viên Trường Đại học Bách Khoa – ĐHQG TP.HCM, việc phát huy nguyên tắc này trước hết thể hiện ở ý thức học tập nghiêm túc các môn lý luận chính trị, không chỉ để hoàn thành tín chỉ mà còn để hình thành thế giới quan khoa học và lập trường vững vàng. Song song đó, cần phải rèn luyện thói quen phân tích, phản biện, không tin theo thông tin một chiều mà biết kiểm chứng, so sánh để nhận diện đúng bản chất của vấn đề. Quan trọng hơn, sinh viên phải gắn việc học lý luận với chuyên môn kỹ thuật, biến tri thức khoa học – công nghệ thành động lực thiết thực cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Thứ hai, kiên quyết giữ vững độc lập dân tộc.

Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn coi độc lập dân tộc là điều kiện tiên quyết để xây dựng chủ nghĩa xã hội. Người khẳng định “Không có gì quý hơn độc lập, tự do”, bởi chỉ khi đất nước độc lập, nhân dân mới thực sự làm chủ và phát huy hết sức mạnh của mình. Giữ vững độc lập dân tộc trong bối cảnh hiện nay không chỉ là bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ, chủ quyền quốc gia, mà còn là tự chủ trong phát triển kinh tế, khoa học – công nghệ và văn hóa.

Đối với bản thân sinh viên Bách Khoa, giữ vững độc lập dân tộc đồng nghĩa với việc phải không ngừng học tập, nghiên cứu để làm chủ tri thức, nhất là trong những lĩnh vực công nghệ lõi mà đất nước còn phụ thuộc nhiều vào bên ngoài. Sinh viên cần xác định rằng chỉ có tự cường về khoa học – công nghệ mới giúp Việt Nam thoát khỏi sự lệ thuộc, nâng cao vị thế quốc gia.

Bên cạnh đó, mỗi người cũng phải rèn luyện ngoại ngữ và kỹ năng hội nhập quốc tế, để có thể tiếp thu tinh hoa của nhân loại nhưng vẫn giữ vững bản sắc dân tộc và bảo vệ lợi ích quốc gia. Ngay trong đời sống hàng ngày, việc ưu tiên ủng hộ hàng Việt, tham gia các hoạt động cộng đồng hay cổ vũ sáng kiến trong nước cũng là cách cụ thể để góp phần vào sự nghiệp giữ vững độc lập dân tộc.

Tóm lại, hai bước đầu tiên để phát huy động lực xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam cần bắt đầu từ sự kiên định với chủ nghĩa Mác – Lê nin và nguyên tắc giữ vững độc lập dân tộc. Với

sinh viên Bách Khoa – ĐHQG TP.HCM, điều đó có nghĩa là vừa phải trau dồi lý luận chính trị, vừa nỗ lực học tập và sáng tạo trong khoa học – công nghệ, để trở thành nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ đất nước. Chỉ khi thế hệ trẻ ý thức được trách nhiệm của mình và biết hành động cụ thể, chúng ta mới có thể biến khát vọng về một Việt Nam “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh” thành hiện thực.

Thứ ba, phải đoàn kết, học tập kinh nghiệm của các nước anh em.

Cách mạng Việt Nam là một bộ phận của lực lượng hòa bình dân chủ, xã hội chủ nghĩa trên thế giới. Hồ Chí Minh quan niệm “sự đoàn kết giữa lực lượng các nước xã hội chủ nghĩa và sự đoàn kết nhất trí giữa các đảng cộng sản, và công nhân tất cả các nước có ý nghĩa quan trọng bậc nhất”. Trong sự đoàn kết này, cách mạng Việt Nam cần học tập kinh nghiệm của các nước anh em nhưng không được áp dụng một cách máy móc mà phải vận dụng sáng tạo; dù đánh giá cao thành tựu xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô, Người vẫn khẳng định “ta không thể giống Liên Xô, vì Liên Xô có phong tục tập quán khác, có lịch sử địa lý khác... ta có thể đi con đường khác để tiến lên chủ nghĩa xã hội”. Ngày nay, trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế sâu rộng, sinh viên Việt Nam càng cần nhận thức rõ tinh thần đoàn kết và học hỏi kinh nghiệm quốc tế như tư tưởng Hồ Chí Minh đã chỉ ra, bởi sinh viên có cơ hội tiếp cận tri thức hiện đại, giao lưu văn hóa với bạn bè quốc tế, học tập nhiều mô hình phát triển tiên tiến nhưng việc học hỏi ấy phải được chọn lọc, sáng tạo, phù hợp với thực tiễn đất nước; thực tế cho thấy nhiều sinh viên đã chủ động tham gia các chương trình trao đổi, nghiên cứu khoa học, khởi nghiệp sáng tạo, khẳng định trí tuệ Việt Nam trên trường quốc tế, song vẫn còn một bộ phận thiếu bản lĩnh, dễ bị lai căng, chạy theo lối sống thực dụng, vì vậy mỗi sinh viên cần nuôi dưỡng tinh thần tự tôn dân tộc, biết kế thừa và phát huy kinh nghiệm quốc tế đồng thời gắn với bản sắc, nhu cầu phát triển đặc thù của Việt Nam.

Thứ tư, xây phải đi đôi với chống

Theo Hồ Chí Minh, muốn đạt được và giữ vững thành quả của cách mạng thì cùng với việc xây dựng các lĩnh vực của đời sống xã hội phải kiên quyết chống lại mọi hình thức phá hoại của các thế lực thù địch. Người căn dặn: “Đối với kẻ địch, người cộng sản phải luôn luôn tinh táo, giữ vững lập trường, quyết không được vì hoàn cảnh hòa bình mà mất cảnh giác. Phải luôn sẵn sàng đập tan mọi âm mưu độc ác của kẻ địch, bảo vệ những thành quả của cách mạng, bảo vệ lao động hòa bình của nhân dân”. Đồng thời, cũng phải chống lại những “căn bệnh” trong nội bộ như thái độ thờ ơ, “nghe những lời bình luận không đúng, cũng làm thịnh, không biện bác”, hay những tàn dư của xã hội cũ như thói quen, định kiến lạc hậu tồn tại lâu đời. Đặc biệt, mỗi người phải kiên quyết đấu tranh với kẻ địch bên trong là chủ nghĩa cá nhân – thứ mầm mống sản sinh ra tham lam, kiêu ngạo, háo danh, vô tổ chức, vô kỷ luật, làm suy yếu sức mạnh của nhân dân và tổ chức đảng. Đối với tinh thần “xây đi đôi với chống” đòi hỏi mỗi bạn trẻ không chỉ ra sức học tập, rèn luyện, tiếp thu tri thức mới để xây dựng tương lai đất nước, mà còn phải biết tự đấu tranh với những thói quen xấu của bản thân như lười biếng, sống buông thả, vô kỷ luật, thiếu trách nhiệm. Sinh viên cần tinh táo trước những thông tin sai lệch, tiêu cực trên mạng xã hội, biết chọn lọc và bảo vệ lẽ phải,

kiên quyết nói không với lối sống thực dụng, ích kỷ. Đồng thời, phải rèn luyện bản lĩnh, đạo đức, tinh thần trách nhiệm và ý thức cộng đồng, để vừa góp phần xây dựng xã hội tốt đẹp hơn, vừa ngăn chặn những yếu tố tiêu cực có thể cản trở sự phát triển của bản thân và đất nước.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 4, 5, 6, 7, 9, 10, 11 và tập 12, NXB Chính trị quốc gia, 2011.
- [2] Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh, Bộ Giáo dục và Đào tạo, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021.
- [3] Diệu Hoa. (2025, 11 tháng 8). *Giảm nghèo bền vững: Chủ trọng phát triển sinh kế và nâng cao chất lượng sống cho người dân*. Thời báo Tài chính Việt Nam.
<https://thoibaotaichinhvietnam.vn/giam-ngheo-ben-vung-chu-trong-phat-trien-sinh-ke-va-nang-cao-chat-luong-song-cho-nguo-dan-181523.html>
- [4] Nguyễn Văn Linh, *Đổi mới và phát triển kinh tế Việt Nam*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2000.
- [5] Trần Đình Thiên, Kinh tế Việt Nam trong thời kỳ đổi mới, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2010.
- [6] Bộ Tài nguyên và Môi trường, *Chiến lược phát triển bền vững Việt Nam*, 2020.